TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN S** **TỈNH V**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:53/2022/HSST
Ngày 21 tháng 11 năm 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH V

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ngô Thị Minh Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Trung

2. Ông Đặng Tiến Vinh.

Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Huyền, Thư ký Toà án nhân dân huyện S, tỉnh V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh V tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Công Lợi, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh V, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 46/2022/HSST ngày 07 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2022/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 11 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Đào Xuân T, sinh ngày 10/5/1999

Nơi cư trú: Thôn H, xã B, huyện S, tỉnh V.

Dân tộc: Kinh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa 9/12; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch Việt nam; Đảng, đoàn thể: Không; con ông Đào Xuân L (đã chết) và bà Phạm Thị Th, sinh năm 1971; vợ: Bùi Phương Chi, sinh năm 2000; con: 01con sinh năm 2019; Tiền sự: Không; Tiền án: 01.

Tại Bản án số 78/2022/HS-ST ngày 08/7/2022 của TAND huyện S, tỉnh T xử phạt Đào Xuân Tới 06 tháng cải tạo không giam giữ, thời gian tính từ ngày UBND xã được giao giám sát giáo dục nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án về tội "Đánh bạc".

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/8/2022 đến ngày 16/8/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn, tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn Ch, sinh ngày 10/8/1974

Nơi cư trú: Thôn D, xã H, huyện S, tỉnh V.

Dân tộc: Kinh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa 7/12; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch Việt nam; Đảng, đoàn thể: Không; con ông: Nguyễn Văn C (đã chết) và bà Nguyễn Thị L (đã chết); vợ: Hà Thị Th, sinh năm 1978; con: 02 con, lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2001; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Văn Th, sinh năm 11/01/1991.

Nơi cư trú: Thôn D, xã H, huyện S, tỉnh V.

Dân tộc: Kinh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa 12/12; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch Việt nam; Đảng, đoàn thể: Không; con ông: Nguyễn Văn Th (đã chết) và bà Hà Thị Th, sinh năm 1970; vợ: Trần Thị Tr, sinh năm 2000; con: 02 con, lớn nhất sinh năm 2019, nhỏ nhất sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Lê Hồng Đ, sinh năm 1977, có mặt.

Nơi cư trú: Thôn Ch, xã Ph, huyện S, tỉnh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 10 giờ 20 phút ngày 10/8/2022, Công an huyện S nhận được tin báo của quần chúng nhân dân phát hiện bắt quả tang Đào Xuân T, sinh năm 1999 cư trú xã B, huyện S đang có hành vi đòi nợ, cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự tại nhà anh Lê Hồng Đ, sinh năm 1977 ở thôn Ch, xã Ph, huyện S. Vật chứng thu giữ là số tiền 5.000.000đồng và 04 tờ giấy vay tiền kiêm nhận nợ các ngày 13/7/2019, 29/7/2019, 22/8/2019 và ngày 19/9/2019.

Quá trình điều tra, xác định đầu tháng 7/2019 anh Lê Hồng Đ cần tiền tiêu dùng cá nhân nên hỏi vay tiền của Đào Xuân T, T đồng ý cho anh Đ vay với điều kiện phải trả lãi suất cao. Do thời điểm này T không có tiền nên đã bàn với Nguyễn Văn Th, sinh năm 1991 cư trú thôn D, xã H, huyện S sẽ đưa anh Đ đến nhà Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1974 ở cùng thôn với Thi để lấy tiền cho anh Đ vay. Khi đưa anh Đ đến nhà Ch, T cùng Th và Ch thống nhất, Ch sẽ là người cung cấp tiền để T và Th cho anh Đ vay, T sẽ đứng tên trong giấy vay nợ, Th và T là người chịu trách nhiệm đòi nợ, toàn bộ tiền lãi thu được sẽ chia đều cho 03 người. Sau đó, từ ngày 13/7/2019 đến 19/9/2019, Nguyễn Văn Ch đã 04 lần cung cấp tiền để Nguyễn Văn

Th và Đào Xuân T cho anh Lê Hồng Đ vay tổng số tiền 51.000.000đồng với mức lãi suất cao từ 292 đến 365%/năm (vượt mức quy định pháp luật từ 272 - 345%). Cụ thể:

- Lần 1: Ngày 13/7/2019 cho anh Đ vay số tiền 10.000.000đồng với lãi suất là 8.000đồng/1 triệu/1 ngày. Tính đến ngày 13/11/2019 (124 ngày), số tiền lãi suất khoản vay này đúng ra anh Đ phải nộp là 9.920.000đồng, nhưng thực tế T thu của anh Đ tiền lãi là 9.600.000đồng. Trong đó tiền lãi hợp pháp theo quy định Bộ luật dân sự (20%/năm) là 679.452đồng, số tiền lãi thu lời bất chính là 8.920.548đồng;

- Lần 2: Ngày 29/7/2019 cho anh Đ vay số tiền 20.000.000đồng với lãi suất là 8.000đồng/1 triệu/1 ngày. Tính đến ngày 19/11/2019 (114 ngày), số tiền lãi suất khoản vay này đúng ra anh Đ phải nộp là 18.240.000đồng, nhưng thực tế T thu của anh Đ tiền lãi là 17.600.000đồng. Trong đó, tiền lãi hợp pháp theo quy định Bộ luật dân sự (20%/năm) là 1.249.315đồng, số tiền lãi thu lời bất chính là 16.350.685đồng;

- Lần 3: Ngày 22/8/2019 cho anh Đ vay số tiền 10.000.000đồng với lãi suất là 10.000đồng/1 triệu/1 ngày. Tính đến ngày 22/11/2019 (93 ngày), số tiền lãi suất khoản vay này đúng ra anh Đ phải nộp là 9.300.000đồng, nhưng thực tế T thu của anh Đ tiền lãi là 9.000.000đồng. Trong đó tiền lãi hợp pháp theo quy định Bộ luật dân sự (20%/năm) là 509.589đồng, số tiền lãi thu lời bất chính là 8.490.411đồng;

- Lần 4: Ngày 19/9/2019 cho anh Đ vay số tiền 11.000.000đồng với lãi suất là 10.000đồng/1 triệu/1 ngày. Tính đến ngày 19/11/2019 (62 ngày), số tiền lãi suất khoản vay này đúng ra anh Đ phải nộp là 6.820.000đồng, nhưng thực tế T thu của anh Đ tiền lãi là 6.600.000đồng. Trong đó tiền lãi hợp pháp theo quy định Bộ luật dân sự (20%/năm) là 373.698đồng, số tiền lãi thu lời bất chính là 6.226.302đồng;

Các lần vay tiền, Tới đều cho anh Đ viết giấy nhận nợ và trong nội dung không ghi tiền lãi suất để nhằm trốn tránh pháp luật. Sau đó, T giao lại cho Ch quản lý các giấy vay tiền này. Ngay khi vay được tiền anh Đ và T thống nhất, anh Đ nộp trước luôn tiền lãi cho T 10 ngày và các ngày tiếp sau đó thì nộp tiền lãi là 10 ngày 01 lần theo từng khoản vay, những lần T thu được tiền lãi của anh Đ thì chia đều cho Th, Ch và đã chi tiêu cá nhân hết. Đến ngày 22/11/2019, anh Đg trả lãi lần cuối cùng của khoản vay ngày 22/8/2019 cho T thì không có khả năng trả tiền nữa, T đòi tiền nhiều lần không được thì thống nhất với Th và Ch sẽ không tính tiền lãi các khoản vay của anh Đg, chỉ yêu cầu anh Đ phải trả số tiền gốc 51.000.000đồng. Đến cuối tháng 9/2021, anh Đ trả tiếp được 17.000.000đồng và còn nợ 34.000.000đ tiền gốc, T tiếp tục nhiều lần liên lạc để đòi nợ nhưng anh Đ không có tiền trả.

Ngày 10/8/2022, T gọi điện thoại cho anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1991 cư trú xã B, huyện S thuê lái xe taxi đi xuống thành phố Vĩnh Yên đón T về nhà, T nhờ anh Th đi vào nhà Ch lấy 04 tờ giấy anh Đ viết vay nợ tiền mang xuống cho T. Trên đường về, T bảo anh Th chở taxi vào nhà anh Đ, anh Đ lo sợ chưa có tiền trả nên hẹn T lúc sau quay lại. Đến khoảng 10h30 cùng ngày, T thuê anh Th chở taxi và mang các tờ giấy vay tiền quay lại nhà gặp anh Đ, anh Đ lấy 5.000.000đồng đưa trả cho T thì bị lực lượng Công an huyện S phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng và tiến hành lập biên bản theo quy định pháp luật.

Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S tiến hành khám xét khẩn cấp đồ vật, nơi ở của Đào Xuân T tại thôn H, xã B, huyện S; của Nguyễn Văn Th và Nguyễn Văn Ch tại thôn D, xã H, huyện S nhưng không thu giữ thêm đồ vật hay tài sản gì khác.

Tổng số tiền lãi của 04 lần vay anh Đ đã nộp cho T là 42.800.000đồng, trong đó số tiền lãi hợp pháp theo quy định Bộ luật dân sự (20%/năm) là 2.812.054đồng; số tiền lãi bị cáo T, Ch và Th thu lời bất chính là 39.987.946đồng.

Tại bản cáo trạng số: 48/CT-VKSLT ngày 30 tháng 9 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện S truy tố các bị cáo Đào Xuân T, Nguyễn Văn Ch và Nguyễn Văn Th về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S luận tội đối với các bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố. Sau khi đánh giá, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo Đào Xuân T từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 10/8/2022 đến ngày 16/8/2022 là 06 ngày, quy đổi thành 18 ngày cải tạo không giam giữ, miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo, về hình phạt bổ sung: phạt bị cáo T từ 50.000.000đồng đến 60.000.000đồng; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Ch và bị cáo Nguyễn Văn Th số tiền từ 80.000.000đồng đến 100.000.000đồng. Ngoài ra, Viện kiểm sát đề nghị xử lý vật chứng: Truy thu của bị cáo T số tiền 1.000.054đồng và truy thu của anh Lê Hồng Đ số tiền 9.000.000đồng sung quỹ Nhà nước. Buộc bị cáo T trả lại anh Đ số tiền: 13.265.946đồng.

Tại phiên tòa, các bị cáo Đào Xuân T, Nguyễn Văn Ch và Nguyễn Văn Th đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên và các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

Lời nói sau cùng của các bị cáo:

Bị cáo Đào Xuân T: Do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên xin Hội đồng xét xử giảm hình phạt tiền cho bị cáo:

Bị cáo Nguyễn Văn Ch không có ý kiến gì.

Bị cáo:Nguyễn Văn Th xin giảm nhẹ hình phạt tiền cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện S, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện S, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án:

Quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo Đào Xuân T, Nguyễn Văn Ch và Nguyễn Văn Th đã khai nhận toàn bộ về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo thừa nhận: Trong thời gian từ ngày 13/7/2019 đến ngày 19/9/2019, Đào Xuân T, sinh năm 1999 cư trú xã B, huyện S - V; Nguyễn Văn Th, sinh năm 1991 và Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1974 đều cư trú thôn D, xã H, huyện S đã cho anh Lê Hồng Đ, sinh năm 1977 ở thôn Ch, xã Ph, huyện S vay tổng số tiền là 51.000.000đồng với mức lãi suất từ 8.000đồng đến 10.000đồng/1 triệu/1 ngày tương đương với mức từ 292 đến 365%/năm (cao gấp 14,6 - 18,25 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự mà nhà nước quy định) và thu lời bất chính số tiền là 39.987.946 đồng.

Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với các lời khai, bản kiểm điểm của các bị cáo, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, biên bản phạm tội quả tang và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được thể hiện trong hồ sơ vụ án. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về tín dụng là cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ; xâm phạm đến lợi ích của công dân được pháp luật bảo vệ.

Từ những phân tích nêu trên đã có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Đào Xuân T, Nguyễn Văn Ch và Nguyễn Văn Th phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Điều luật quy định*: "1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm…"*

Khi lượng hình, Hội đồng xét xử xem xét đến vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của từng bị cáo trong vụ án thấy rằng: Về vai trò của các bị cáo: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Bị cáo Đào Xuân T là người có vai trò chủ mưu, khởi sướng ra việc cho vay nặng lãi nên bị cáo có vai trò thứ nhất trong vụ án và phải chịu hình phạt cao hơn so với các bị cáo khác. Bị cáo Nguyễn Văn Ch là người trực tiếp cung cấp tiền (công cụ, phương tiện) để cho vay nên bị cáo có vai trò thứ hai. Bị cáo Nguyễn Văn Th là đồng phạm với vai trò tích cực tham gia việc phạm tội.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Đào Xuân T: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo khi lượng hình. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Thời gian bị cáo thực hiện hành vi kéo dài từ tháng 7/2019 đến tháng 8/2022, bị cáo phạm tội trong thời gian chấp hành cải tạo không giam giữ nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xét thấy, cần phải xử phạt bị cáo mức án cao nhất trong khung hình phạt là cải tạo không giam giữ, như vậy mới có tác dụng cần thiết để giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội. Bị cáo là người không có việc làm ổn định, kinh tế gia đình khó khăn nên không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo. Về hình phạt bổ sung: phạt bị cáo T một số tiền sung quỹ Nhà nước.

Bị cáo Nguyễn Văn Ch và Nguyễn Văn Th: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả, đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, i, s khoản 1,

Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo khi lượng hình. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có. Xét thấy, cần xử phạt các bị cáo một mức tiền cụ thể, như vậy cũng đủ điều kiện để các bị cáo tự cải tạo mình trở thành người công dân có ích cho xã hội.

Về xử lý vật chứng:

Đối với số tiền gốc 51.000.000đồng mà các bị cáo T, Th, Ch cho anh Đ vay cần tịch thu sung quỹ Nhà nước. Anh Lê Văn Đ đã giao nộp 25.000.000đồng và bị cáo Ch đã giao nộp được 17.000.000đồng, tổng số tiền: 42.000.000đồng, tiếp tục truy thu của anh Lê Văn Đ số tiền 9.000.000đồng để sung quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền lãi các bị cáo đã thu của anh Đ là 42.800.000đồng (Bị cáo Ch và bị cáo Th mỗi người đã giao nộp 14.267.000đồng), trong đó: 2.812.054 đồng là tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự, số tiền này cần tịch thu sung quỹ nhà nước. Còn lại số tiền: 39.987.946 là số tiền lãi thu lời bất chính nên cần trả lại anh Lê Văn Đ (xác nhận cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Đ số tiền: 26.722.000đồng). Buộc bị cáo Đào Xuân T phải trả lại cho anh Lê Văn Đ số tiền thu lời bất hợp pháp là:13.265.946đồng. Truy thu của Tới số tiền: 1.000.054đồng.

Về án phí: các bị cáo Đào Xuân T, Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Văn Th phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo Tới phải chịu án phí dân sự trong vụ án hình sự.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Đào Xuân T, Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Văn Th phạm tội " Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Áp dụng: khoản 1, 3 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: bị cáo Đào Xuân T 12 tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 10/8/2022 đến ngày 16/8/2022 là 06 ngày, quy đổi thành 18 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải thi hành 11 (Mười một) tháng 12 (Mười hai) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã được giao giám sát giáo dục nhận được bản sao bản án và Quyết định thi hành án. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo T.

Giao bị cáo Đào Xuân T cho Ủy ban nhân dân cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện S, tỉnh V giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

Trong trường hợp bị cáo T có thay đổi về nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 100 của Luật thi hành án hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo T số tiền: 30.000.000đồng (Ba mươi triệu đồng).

Áp dụng: khoản 1 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 35 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo: Nguyễn Văn Ch số tiền: 65.000.000đồng (Sáu mươi năm triệu đồng).

Áp dụng: khoản 1 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 35 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn Th số tiền: 60.000.000đồng (Sáu mươi triệu đồng).

Về xử lý vật chứng: Áp dụng: khoản 1 Điều 46, khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền: 51.000.000đồng (trong đó đã giao nộp được 42.000.000đồng). Tiếp tục truy thu của anh Lê Hồng Đ số tiền 9.000.000đồng để sung quỹ Nhà nước.

Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền lãi 2.812.054 đồng (trong đó bị cáo Chín và Thi đã nộp là:1.812.000đồng). Truy thu của Đào Xuân T số tiền: 1.000.054đồng.

- Buộc bị cáo Đào Xuân T phải trả lại anh Lê Hồng Đ số tiền:13.265.946đồng.

- Xác nhận cơ quan điều tra đã trả lại anh Lê Hồng Đ số tiền lãi thu bất hợp pháp là: 26.722.000đồng.

Về án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

Các bị Đào Xuân T, Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Văn Th mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Đào Xuân T phải chịu: 663.000đồng án phí dân sự trong vụ án hình sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh V.
- VKSND tỉnh V
- VKSND huyện S
- THA huyện S
- Công an huyện S
- Sở Tư pháp V
- Các bị cáo
- Lưu HS+Vp

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Đã ký và đóng dấu

Ngô Thị Minh Hiệp